|  |  |
| --- | --- |
| Trường THPT Nguyễn Hữu Huân  **Tổ Sinh Học** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|  | **MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ – HK1 2022- 2023** |

**I. KHỐI 10:**

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Tự luận các dạng: Ghép nối, điền khuyết, trả lời ngắn, chú thích, giải thích, xác định đúng/ sai.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức độ** | | | | **Tổng**  **(%)** |
| Nhận biết  (%) | Thông hiểu  ( %) | Vận dụng (%) | Vận dụng cao (%) |
| 1 | - Một số loại thực phẩm giàu carbohydrate, giàu lipid, giàu protein.  - Chức năng về cấu tạo của carbohydrate, lipid, protein. | 5% |  |  |  | 5% |
| 2 | - Thành phần đơn phân của : Protein, ADN, RNA.  - Chuỗi polipeptide, chuỗi polinucleotide.  - Cấu trúc không gian: protein, DNA, mRNA, tRNA, rRNA.  - Chức năng sinh học: protein, DNA, mRNA, tRNA, rRNA.  - Tính đa dạng, tính đặc thù của protein, DNA. | 15% | 5% |  |  | 20% |
| 3 | Tế bào nhân sơ  + Đặc điểm chung.  + Cấu tạo, chức năng thành tế bào.  + Cấu tạo chức năng màng sinh chất.  + Các nội dung về tế bào chất.  + Đặc điểm và chức năng của vùng nhân. | 10% | 10% |  |  | 20% |
| 4 | Tế bào nhân thực  + Cấu trúc và chức năng: Nhân, ti thể, lục lạp, ribosome, thành tế bào.  + Chức năng: Lưới nội chất hạt, lưới nội chất trơn, bộ Golgi, lysosome, peroxisome, không bào, trung thể. | 10% | 15% | 10% |  | 35% |
| 5 | - So sánh tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực theo dàn ý.  - Loại tế bào nào có nhiều (nhiều nhất) ti thể, lưới nội chất hạt/ trơn, ribosome, lysosome trong các loại tế bào cho trước. Giải thích. |  |  | 10% | 10% | 20% |
| **Tổng** | | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| Trường THPT Nguyễn Hữu Huân  **Tổ Sinh Học** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|  | **MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ – HK1 2022- 2023** |

**II. KHỐI 11:**

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Tự luận các dạng: Ghép nối, điền khuyết, trả lời ngắn, chú thích, giải thích, xác định đúng/ sai.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức độ** | | | | **Tổng (%)** |
| Nhận biết  (%) | Thông hiểu  ( %) | Vận dụng (%) | Vận dụng cao (%) |
| 1 | Tiêu hóa  + Đặc điểm thức ăn.  + Cấu tạo ống tiêu hoá của thú ăn thịt và thú ăn thực vật.  + Cấu tạo ống tiêu hoá phù hợp với chức năng và đặc điểm thức ăn. | 10% | 10% |  |  | 20% |
| 2 | Hô hấp  + Các hình thức hô hấp ở động vật.  + Xác định các hình thức hô hấp cụ thể ở mỗi loài động vật. | 10% |  |  | 10% | 20% |
| 3 | Tuần hoàn  + Huyết áp: khái niệm, sự biến động của huyết áp trong hệ mạch.  + Thành phần của hệ dẫn truyền tim.  + Đặc điểm của hệ tuần hoàn hở, hệ tuần hoàn kín.  + Vận tốc máu; khái niệm, sự thay đổi vận tốc máu trong hệ mạch.  + Khái niệm nhịp tim.  + Sơ đồ cơ chế điều hoà huyết áp bằng khi huyết áp tăng.  + Sơ đồ đường đi của máu trong hệ tuần hoàn đơn, kép.  + Giải thích vì sao tim hoạt động suốt đời không mệt mỏi?  + Giải thích mối tương quan giữa nhịp tim và khối lượng cơ thể. | 15% | 20% | 10% |  | 35% |
| 4 | Cân bằng nội môi  + Khái niệm cân bằng nội môi.  + Vai trò của hệ đệm, các hệ đệm.  + Vai trò của mỗi bộ phận tham gia vào cơ chế cân bằng nội môi.  + Vai trò của gan, thận trong cân bằng áp suất thẩm thấu. | 5% |  | 10% |  | 15% |
| **Tổng** | | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| Trường THPT Nguyễn Hữu Huân  **Tổ Sinh Học** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|  | **MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ – HK1 2022- 2023** |

**III.** **KHỐI 12**

**III.1. CÁC LỚP BAN KHTN: A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, B1, B2, CT, CH, CL**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức độ** | | | | **Tổng (%)** |
| Nhận biết  (%) | Thông hiểu  ( %) | Vận dụng (%) | Vận dụng cao (%) |
| 1 | Nhiễm sắc thể (NST)  - Hai thành phần chủ yếu tham gia cấu tạo NST  - Phân loại NST.  - Chức năng đầu mút và tâm động của NST.  - Cấu trúc siêu hiển vi của NST. | 5% |  |  |  | 5% |
| 2 | Đột biến cấu trúc NST  - Các dạng đột biến cấu trúc NST.  - Kết quả và hướng ứng dụng của dạng đột biến cấu trúc NST.  - Xác định từng dạng đột biến cấu trúc NST. | 5% |  |  |  | %5 |
| 3 | Đột biến số lượng NST  - Khái niệm đột biến số lượng NST, đột biến lệch bội, đa bội, đa bội chẵn, đa bội lẻ, dị đa bội.  - Đặc điểm đa bội chẵn, đa bội lẻ, song nhị bội.  - Cơ chế hình thành thể tứ bội, tam bội, thể khảm tứ bội, thể song nhị bội.  -Tính số lượng NST số dạng của thể đột biến về số lượng NST.  - Tính tỉ lệ giao tử đột biến/ bình thường trong trường hợp NST không phân li lần 1 trong giảm phân. | 5% | 5% |  |  | 10% |
| 4 | Qui luật phân li, qui luật phân li độc lập (Menden)  - Đối tượng nghiên cứu.  - Phương pháp lai và phân tích con lai  - Xác định tính trạng trội/lặn (trội hoàn toàn).  - Phân tích đời lai 1 cặp gen.  - Từ kiểu gen xác định loại giao tử, tỉ lệ giao tử và ngược lại.  - Xác định kiểu gen, kiểu hình, số loại kiểu gen số loại kiểu hình đời con và ngược lại, | 10% | 10% | 5% | 5% | 30% |
| 5 | Tương tác gen  - Khái niệm tương tác nhiều gen không alen và nằm trên NST khác nhau.  - Nhận diện tương tác bổ sung, tương tác công gộp khi lai 2 cặp gen.  - Gen đa hiệu: khái niệm, ví dụ. |  | 5% |  |  | 5% |
| 6 | Liên kết gen – Hoán vị gen (Moocgan)  - Đối tượng nghiên cứu.  - Nhóm gen liên kết của cá thể, của loài.  - Ý nghĩa của liên kết gen, hoán vị gen.  - Đặc điểm của hoán vị gen.  - Bản đồ di truyền: khái niệm , ý nghĩa.  - Giao tử mang 2 gen trong trường hợp: liên kết gen, hoán vị gen.  - Tính tần số hoán vị gen trong dạng lai phân tích, từ giao tử. | 5% | 10% | 10% | 2,5% | 27,5% |
| 7 | Di truyền liên kết với giới tính (Moocgan)  - Khái niệm, đặc điểm về cặp NST giới tính.  - Cơ chế xác định giới tính.  - Đặc điểm và qui luật gen trên X không alen trên Y.  - Đặc điểm và qui luật gen trên Y không alen trên X.  - Từ ba, mẹ xác định đời con về tỉ lệ kiểu gen, kiểu hình và ngược lại. | 5% |  | 5% | 2,5% | 12,5% |
| 8 | Di truyền ngoài nhân (Coren)  - Đối tượng nghiên cứu.  - Đặc điểm di truyền. | 5% |  |  |  | 5% |
| **Tổng** | | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |

**III.2. CÁC LỚP BAN KHXH: D1, D2, D3, CV, CA**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức độ** | | | | **Tổng (%)** |
| Nhận biết  (%) | Thông hiểu  ( %) | Vận dụng (%) | Vận dụng cao (%) |
| 1 | - Khái niệm: đột biến gen, đột biến điểm, thể đột biến.  - Nhận diện loại tác nhân đột biến.  - Gen ở đâu có thể bị đột biến và tần số đột biến tự nhiên.  - Các dạng đột biến điểm, đột biến gen.  - Hậu quả và ý nghĩa của đột biến gen. Giải thích.  - Xác định số liên kết hydro, tổng nucleotit sau đột biến điểm.  - Xác định số thể đột biến gen lặn.  - Nhận diện dạng đột biến điểm. | 10% |  | 5% |  | 15% |
| 2 | Nhiễm sắc thể (NST)  - Hai thành phần chủ yếu tham gia cấu tạo NST  - Phân loại NST.  - NST quan sát rõ nhất khi nào? Giải thích.  - Đặc trưng bộ NST cho mỗi loài.  - Chức năng đầu mút và tâm động của NST.  - Cấu trúc siêu hiển vi của NST. | 10% | 5% |  |  | 15% |
| 3 | Đột biến cấu trúc NST  - Khái niệm đột biến cấu trúc NST.  - Bản chất của đột biến cấu trúc NST.  - Các dạng đột biến cấu trúc NST.  - Kết quả và hướng ứng dụng của dạng đột biến cấu trúc NST.  - Xác định từng dạng, các dạng liên tiếp về đột biến cấu trúc NST. | 5% | 10% | 5% | 5% | 25% |
| 4 | Đột biến số lượng NST  - Khái niệm đột biến số lượng NST, đột biến lệch bội, đa bội, đa bội chẵn, đa bội lẻ, dị đa bội.  - Đặc điểm đa bội chẵn, đa bội lẻ, song nhị bội.  - Cơ chế hình thành thể tứ bội, tam bội, thể khảm tứ bội, thể song nhị bội.  -Tính số lượng NST số dạng của thể đột biến về số lượng NST.  - Tính tỉ lệ giao tử đột biến/ bình thường trong trường hợp NST không phân li lần 1 trong giảm phân. | 10% | 10% | 5% | 5% | 30% |
| 5 | Qui luật phân li – Menden  - Đối tượng nghiên cứu.  - Xác định tính trạng trội/lặn (trội hoàn toàn).  - Lai phân tích 1 cặp gen. | 5% | 5% | 5% |  | 15% |
| **Tổng** | | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |

TP Thủ Đức, ngày 02/12/2022

Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Thị Thu Sương